**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 827/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Công Tình

*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Quý

***- Thư ký Tòa án***: Ông Hà Văn Đoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Cao Hùng – kiểm sát viên.

Trong ngày 15/4/2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (cơ sở 3) – địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 724/TB-TLVA ngày 28/7/2020 về việc tranh chấp ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1041/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Ấp O, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ tạm trú: 255/43 đường Quốc Lộ X, tổ Y, khu phố Z, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Kiên Giang
Địa chỉ tạm trú: 255/43 đường Quốc Lộ X, tổ Y, khu phố Z, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy – bảo trợ xã hội Phú Văn (theo quyết định số 327/2020/ QĐ-TA ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (cũ), Tp. Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Võ Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân vào năm 2017 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 05/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không ai quan tâm ai; chị đã khuyên anh T

nhưng không có kết quả; nay chị xác định tình cảm với anh T không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Nguyễn Gia H sinh ngày 25/4/2015, hiện nay do chị đang trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/3/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*:

Về quan hện hôn nhân: Anh và Chị Võ Thị Đ tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2017; nay Chị Đ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì con thương vợ con.

Về con chung: Tên Nguyễn Gia H sinh ngày 25/4/2015, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không yêu cầu Chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Võ Thị Đ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T tạm trú tại địa chỉ 255/43 đường Quốc Lộ X, tổ Y, khu phố Z, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; Chị Võ Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Tại phiên tòa nguyên đơn Chị Võ Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[1.4]. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ ván, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 80/2017 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; cấp cho Chị Võ Thị Đ và anh Nguyễn Văn T, thì quan hệ hôn nhân giữa Chị Đ và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn theo như lời Chị Đ trình bày là anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không ai quan tâm ai; hiện nay anh T đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại tại Cơ sở cai nghiện ma túy – bảo trợ xã hội Phú Văn (theo quyết định số 327/2020/ QĐ-TA ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (cũ); vợ chồng hiện nay không có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/3/2021 anh T không muốn ly hôn vì còn thương vợ con nhưng không đưa ra được phương án đoàn tụ gia đình nào có khả thi. Do đó yêu cầu ly hôn của Chị Đ đối với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Tên Nguyễn Gia H sinh ngày 25/4/2015 hiện nay do Chị Đ đang trực tiếp, trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sau khi ly hôn Chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/3/2021 anh T có nguyện vọng được nuôi người con chung, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét, cả Chị Đ và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung; người con chung đang do Chị Đ đang trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có nguyện vọng được nuôi con, nhưng hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy – bảo trợ xã hội Phú Văn (theo quyết định số 327/2020/ QĐ-TA ngày 05/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (cũ). Do đó việc anh T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn là không thực hiện được; để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống và phát triển của trẻ, nên tiếp tục giao người con chung cho Chị Đ được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

[2.5]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng Chị Võ Thị Đ phải chịu.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Võ Thị Đ tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Võ Thị Đ và anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2017 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh không còn giá trị pháp lý.

- Về muôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Gia H sinh ngày 25/4/2015 cho Chị Võ Thị Đ được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

**2**. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng Chị Võ Thị Đ phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0057484 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

**3**. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**4**. Quyền yêu cầu thi hành án. "Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)"./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự
- Ủy ban nhân dân xã M,
huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Công Tình**